TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY ĐỨC** **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2021
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC - TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Điểu Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Mạnh Ứng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-DS ngày 20/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: Bon Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim O; địa chỉ: Bon Bu Đăk, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Cao Văn H trình bày: Anh H và chị Nguyễn Thị Kim O tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà tại bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông để làm ăn, sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung; hai bên không còn tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; Anh H đã sống ly thân với chị Oanh từ giữa năm tháng 7/2019 đến nay. Hiện nay, Anh H không còn tình cảm với chị Oanh; mục đích hôn nhân không còn đạt được nên Anh H làm đơn ly hôn với chị Oanh.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Kim O: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Oanh đến trụ sở Toà án để giải quyết ly hôn với Anh H

nhưng chị Oanh vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Q xác định: "*Chị Oanh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Bon Bu Dăr, xã Q, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn quay về địa phương*". Tòa án đã cùng chính quyền địa phương đến nhà chị Oanh, tuy nhiên chị Oanh vắng mặt nên không thể tống đạt các văn bản tố tụng. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Oanh theo quy định. Tuy nhiên, chị Oanh không có ý kiến và không cũng đến Tòa án theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đã được triệu tập nhiều lần nhưng không hợp tác; tại phiên tòa vắng mặt, do đó chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Văn H ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

Về án phí: Anh Cao Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001429 ngày 31/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết vào quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Cao Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O; chị Oanh đăng ký thường trú tại Bon Bu Dăr, xã Q, huyện T do đó, đây là tranh chấp *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 51

của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: *Chị Oanh chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt nhưng thỉnh thoảng vẫn về sinh sống tại địa phương;* Tòa án đã triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Oanh không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Oanh theo thủ tục chung nhưng chị không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do; không có ý kiến đối với nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 20/8/2021 và phiên tòa hôm nay, chị Oanh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của Anh H với chị Oanh; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 16/4/2019, anh Cao Văn H và chị Nguyễn Thị Kim O tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa Anh H và chị Oanh là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Anh H cho rằng, quá trình chung sống, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên hay cãi nhau; hai bên không còn tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc; Anh H đã sống ly thân với chị Oanh từ tháng 7/2019 đến nay; quá trình giải quyết vụ án Anh H xác định không còn tình cảm với chị Oanh. Đối với chị Oanh, khi Anh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, chị Oanh cũng không có động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, chị Oanh vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa Anh H và chị Oanh đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của Anh H với chị Oanh là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Cao Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001429 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Văn H.

1. Về hôn nhân: Anh Cao Văn H ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim O.

2. Về án phí: Anh Cao Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001429 ngày 31/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông.
- Lưu, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phan Quang Trung